TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CẨM KHÊ** **TỈNH PHÚ THỌ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc Lập - Tự do – Hạnh P**

Bản án số: 54/2022/HNGĐ-ST
Ngày 21-7-2022
V/v: Tranh chấp Hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẨM KHÊ -TỈNH PHÚ THỌ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Đinh Thị Thu Huyền

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trần Văn Thành

2. Bà Nguyễn Thị Thúy Hòa

- ***Thư ký phiên toà***: Ông Nguyễn Thế Vinh - Thư ký Toà án nhân dân huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Khê tham gia phiên toà***: Ông Nguyễn Ngọc Hiển - Kiểm sát viên

Ngày 21 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Cẩm Khê - tỉnh Phú Thọ, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 160/2022/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 4 năm 2022 về việc "Tranh chấp Hôn nhân và gia đình", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 54/2022/QĐXXST – HNGĐ ngày 06 tháng 6 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 160/2022/QĐST – HNGĐ ngày 20 tháng 6 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Hoàng Thị T - sinh năm 1995

Địa chỉ: Khu C, thị trấn H, huyện H, tỉnh Lạng Sơn.

Bị đơn: Anh Nguyễn Văn D - sinh năm 1996

Địa chỉ: khu P, xã P, huyện C, tỉnh Phú Thọ.

(Chị T có đơn xin giải quyết vắng mặt, anh D vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1, Tại đơn khởi kiện ngày 28/4/2022 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Hoàng Thị T trình bày: Chị và anh Nguyễn Văn D kết hôn trên cơ

sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 28/02/2019 tại UBND xã P, huyện C, tỉnh Phú Thọ. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng không hợp nhau, không có tiếng nói chung nên chung sống không hạnh phúc, vợ chồng sống ly thân từ cuối năm 2019 đến nay không ai quan tâm đến ai. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Toà án giải quyết chị được cho ly hôn với anh D.

Về con chung: Chị và anh D có 01 con chung là Nguyễn Trung K, sinh ngày 01/7/2019, hiện nay đang ở cùng chị. Khi ly hôn chị xin được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung; nghĩa vụ chung về tài sản; công sức: Chị T xác nhận không có nên không yêu cầu giải quyết.

2, Phía bị đơn anh Nguyễn Văn D: Tòa án nhân dân huyện Cẩm Khê đã gửi giấy báo làm việc nhiều lần nhưng anh D đều vắng mặt.

3, Tại biên bản lấy lời khai ngày 25/5/2022 ông Nguyễn Văn T (bố đẻ anh D) trình bày: Anh D là con trai ông, chị T là con dâu. Chị T và anh D được tự nguyện tìm hiểu đăng ký kết hôn 28/02/2019 tại UBND xã P, huyện C, tỉnh Phú Thọ. Sau khi kết hôn chị T vẫn ở nhà bố mẹ đẻ chị ở thị trấn H, huyện H, tỉnh Lạng Sơn. Tháng 7/2019 chị T sinh con có về ở với vợ chồng ông và anh D được hơn một tháng thì chị T lại đưa con về nhà bố mẹ đẻ chị ở, từ đó không quay về chung sống cùng anh D và vợ chồng ông nữa. Anh D có lên đón nhưng chị T cương quyết không về. Nay chị T xin ly hôn ông mong muốn vợ chồng anh chị đoàn tụ để nuôi con nhưng nếu chị T K quyết xin ly hôn thì ông đề nghị Tòa án giải quyết cho chị T được ly hôn anh D vì thực tế anh chị không còn chung sống cùng nhau. Chị T và anh D có 01 con chung là Nguyễn Trung K, sinh ngày 01/7/2019, hiện nay đang ở cùng chị T. Việc chị T xin ly hôn anh D biết rõ nhưng do bận công việc nên anh không đến Tòa án làm việc đươc. Khi anh chị ly hôn ông đề nghị Tòa án giao cháu K cho chị T trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng và anh D không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Chị T và anh D không có tài sản chung, không nợ ai và cũng không cho ai vay.

4, Qua xác minh tại ủy ban nhân dân xã Phú Khê ngày 25/5/2022 được đại diện chính quyền địa phương cung cấp: Chị T và anh D kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 28/02/2019 tại UBND xã P, huyện C, tỉnh Phú Thọ. Sau khi kết hôn chị T vẫn ở Lạng Sơn còn anh D ở tại địa phương, khi chị T sinh con thì có về ở cùng anh D và bố mẹ anh D tại xã P được khoảng hơn một tháng thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do mâu thuẫn giữa anh chị với nhau trong cuộc sống vợ chồng, chị T bỏ về nhà bố mẹ đẻ chị ở Lạng Sơn, từ đó

không quay về chung sống cùng anh D nữa. Nay chị T xin ly hôn anh D đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên toà kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, HĐXX và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm HĐXX nghị án đều thực hiện đúng theo quy định pháp luật không có vi phạm gì và phát biểu ý kiến về quan điểm giải quyết vụ án. Đề nghị HĐXX áp dụng khoản 1 điều 51, khoản 1 điều 56, Điều 58, Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 điều 35, điểm a khoản 1 điều 39, khoản 4 điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ quốc hội ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Hoàng Thị T được ly hôn anh Nguyễn Văn D.

Về con chung: Giao con chung chưa thành niên là Nguyễn Trung K, sinh ngày 01/7/2019 cho chị Hoàng Thị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi d- ỡng, giáo dục kể từ khi vợ chồng ly hôn cho đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi). Anh D không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung vì chị T tự nguyện không yêu cầu. Anh D được quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được ngăn cấm cản trở.

Về tài sản chung; Nghĩa vụ chung về tài sản; Công sức: Chị T xác nhận không có, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

Về án phí: Chị Hoàng Thị T phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả thẩm tra tại phiên toà Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng dân sự:

[1.1]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Đây là tranh chấp về Hôn nhân và gia đình được quy định tại khoản 1, điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[1.2]. Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Bị đơn anh D có hộ khẩu thường trú tại khu Phú Lực, xã Phú Khê, huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ. Căn cứ điểm a, khoản 1, điều 35; điểm a, khoản 1, điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ.

[1.3]. Về sự vắng mặt của nguyên đơn, bị đơn: Chị T có đơn xin được giải quyết xét xử vắng mặt. Phía anh D Toà án đã gửi Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng anh D vắng mặt lần thứ 02 tại phiên tòa mà không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2, □iều 227; khoản 1, 3 điều 228; Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, Toà án nhân dân huyện Cẩm Khê tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2]. Về nội dung: Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được xem xét tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận thấy:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Cuộc hôn nhân giữa chị T và anh D là hoàn toàn hợp pháp được UBND xã P, huyện C, tỉnh Phú Thọ cho đăng ký kết hôn ngày 28/02/2019 nhưng thực sự tình cảm vợ chồng giữa anh chị đã có vết rạn nứt, chị T cho rằng sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng không hợp nhau, không có tiếng nói chung nên chung sống không hạnh phúc, vợ chồng sống ly thân từ cuối năm 2019 đến nay không ai quan tâm đến ai. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Toà án giải quyết chị được cho ly hôn với anh D. Phía anh D Tòa án đã báo gọi nhiều lần, anh D có biết việc Tòa án đang giải quyết việc ly hôn giữa chị T và anh nhưng anh không đến Tòa án làm việc để thể hiện quan điểm của mình. Tại biên bản lấy lời khai ngày 25/5/2022 ông Nguyễn Văn Thụy (bố đẻ anh D) mong muốn vợ chồng anh chị đoàn tụ để nuôi con nhưng nếu chị T K quyết xin ly hôn thì ông đề nghị Tòa án giải quyết cho chị T được ly hôn anh D vì thực tế anh chị không còn chung sống cùng nhau. Tòa án nhân dân huyện Cẩm Khê đã tiến hành xác minh về quan hệ hôn nhân của chị T và anh D được đại diện chính quyền địa phương cung cấp sau khi kết hôn chị T vẫn ở Lạng Sơn còn anh D ở tại địa phương, khi chị T sinh con thì có về ở cùng anh D và bố mẹ anh D tại xã Phú Khê được khoảng hơn một tháng thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do mâu thuẫn giữa anh chị với nhau trong cuộc sống vợ chồng, chị T bỏ về nhà bố mẹ đẻ chị ở Lạng Sơn, từ đó không quay về chung sống cùng anh D nữa. Xét thấy cuộc hôn nhân giữa chị T và anh D đã mâu thuẫn rất trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt đ- ợc, nếu kéo dài chỉ gây đau khổ cho cả hai bên, làm cho anh chị sống không đem lại hạnh phúc, không còn tình yêu th- ương. Vì vậy cần xử cho chị T được ly hôn anh D là phù hợp với điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: Chị T và anh D có 01 con chung là Nguyễn Trung K, sinh ngày 01/7/2019, hiện nay đang ở cùng chị T. Khi ly hôn chị T đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được quyền trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chung và chị không yêu cầu anh D cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Phía gia đình anh D ông Nguyễn Văn Thụy (bố đẻ anh D) cũng đề nghị giao cháu Nguyễn Trung K cho chị

T được trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng. Xét thấy cháu K còn nhỏ cần sự chăm sóc của người mẹ, để đảm bảo quyền lợi của con chung cần giao cháu K cho chị T được quyền trực tiếp chăm sóc giáo dục nuôi dưỡng và anh D không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung vì chị T tự nguyện không yêu cầu là phù hợp.

[2.3]. Về tài sản chung; nghĩa vụ chung về tài sản; công sức: Chị T xác nhận không có, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3]. Về án phí: Chị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 điều 51, khoản 1 điều 56, Điều 58, Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 điều 35, điểm a khoản 1 điều 39, khoản 4 điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ quốc hội ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Hoàng Thị T được ly hôn anh Nguyễn Văn D.

[2]. Về con chung: Giao con chung chưa thành niên là Nguyễn Trung K, sinh ngày 01/7/2019 cho chị Hoàng Thị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi d- ỡng, giáo dục kể từ khi vợ chồng ly hôn cho đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi). Anh D không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung vì chị T tự nguyện không yêu cầu. Anh D được quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được ngăn cấm cản trở.

[3]. Về tài sản chung; Nghĩa vụ chung về tài sản; Công sức: Chị T xác nhận không có, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4]. Về án phí: Chị Hoàng Thị T phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm. Xác nhận chị T đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai số AA/2020/0007661 ngày 28/4/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cẩm khê, tỉnh Phú Thọ.

[5]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự (vắng mặt) có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc được niêm yết bản án để đề nghị Toà án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử theo trình tự phúc thẩm./.

***Nơi nhận*:**
- VKSND huyện;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

- Các đương sự
- UBND xã P;
- Thi hành án dân sự;
- Lưu HS+ VP;

Đinh Thị Thu Huyền